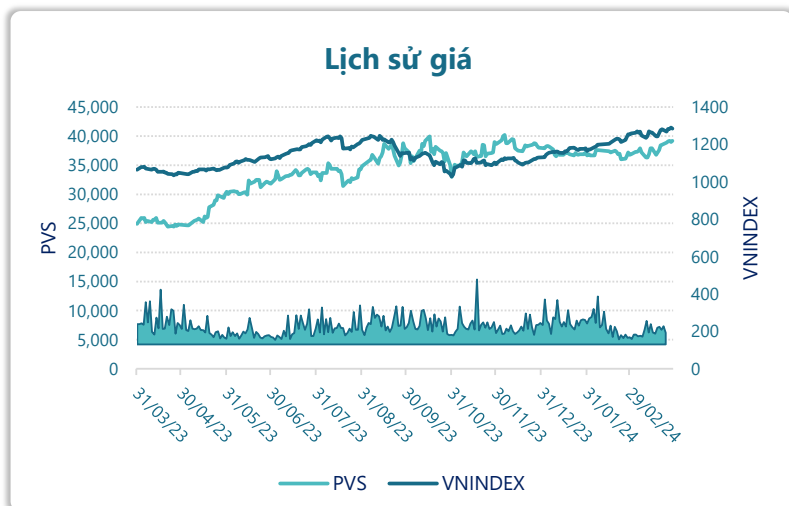


Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX: PVS)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	39,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,439
SL cổ phiếu LH	477,966,290
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,183,525
% sở hữu nước ngoài	20.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,736
P/E	19.7
EPS	1,992

DT thuần

Q1/24

3,710

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3,048 | -45.1%

YoY: ▲ 6.00 | 0.2%

LN sau thuế

Q1/24

305

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0 | 4.0%

YoY: ▲ 77.0 | 33.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

7.0%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2023

19,374

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,001 | 18.3%

LN sau thuế

2023

1,060

tỷ VNĐ

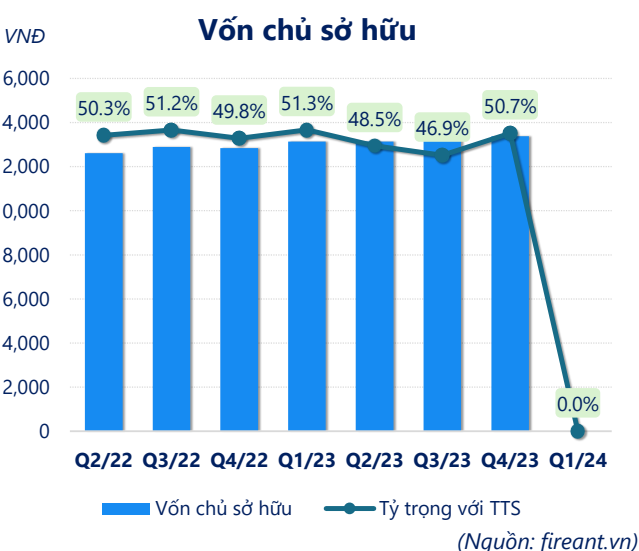
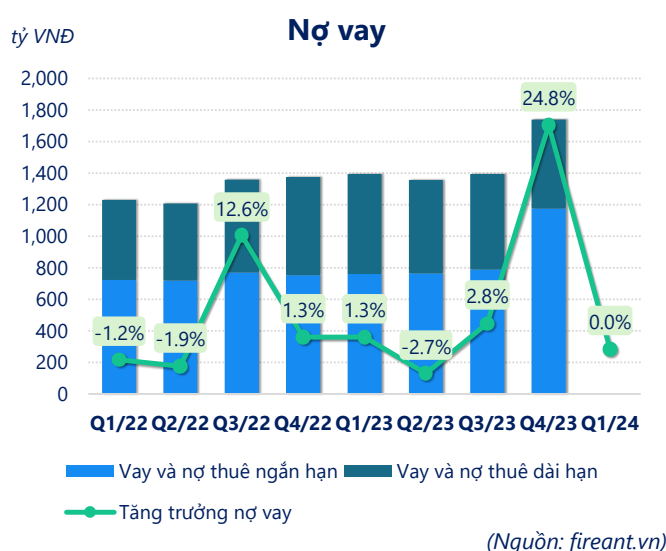
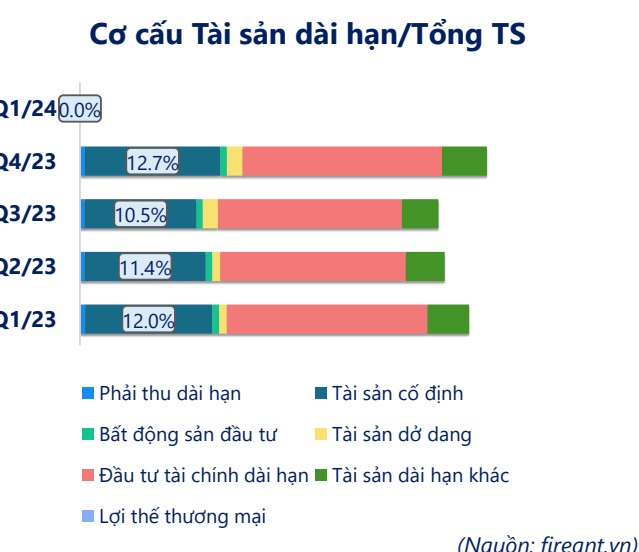
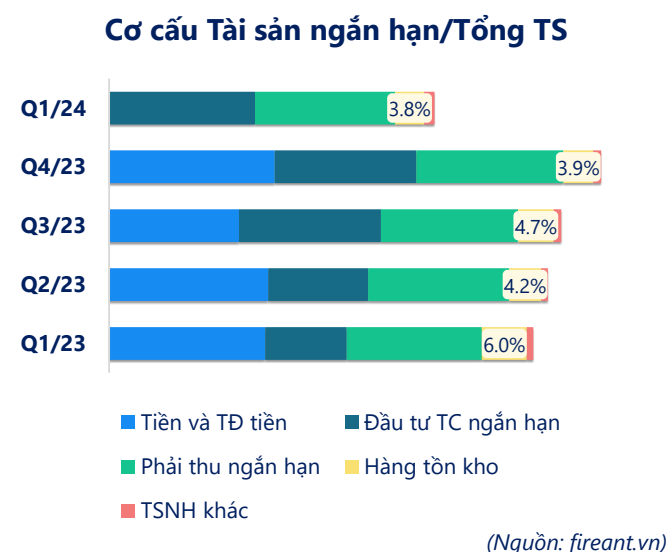
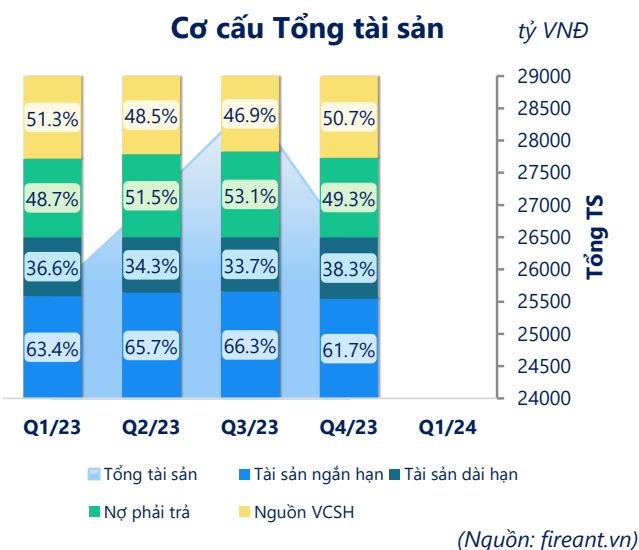
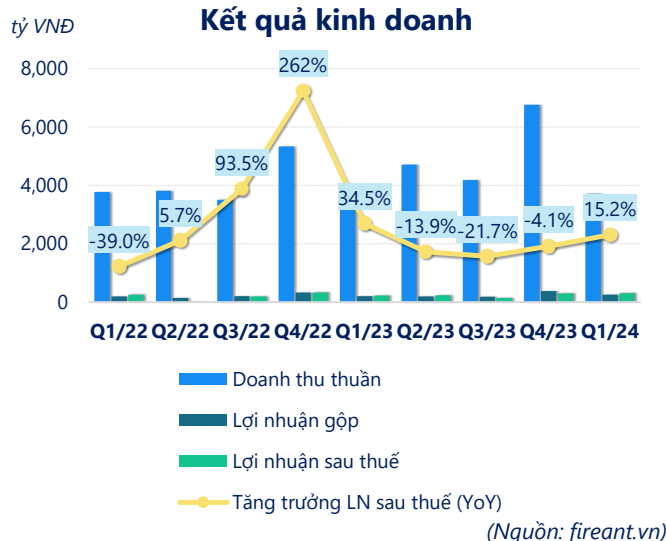
YoY: ▲ 116 | 12.2%

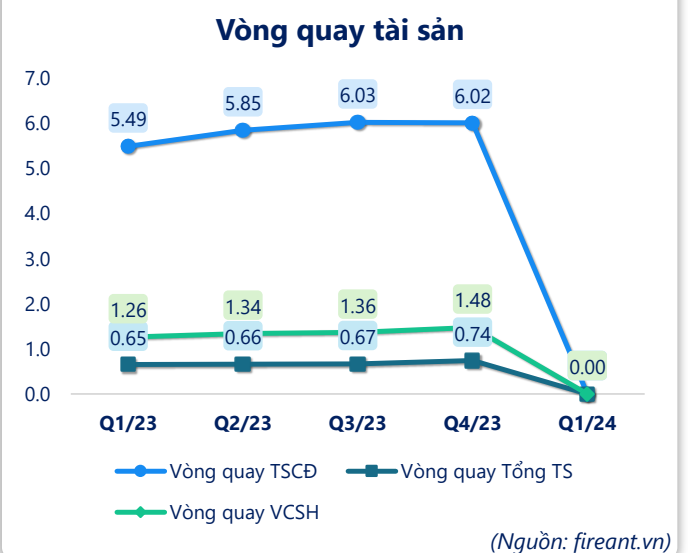
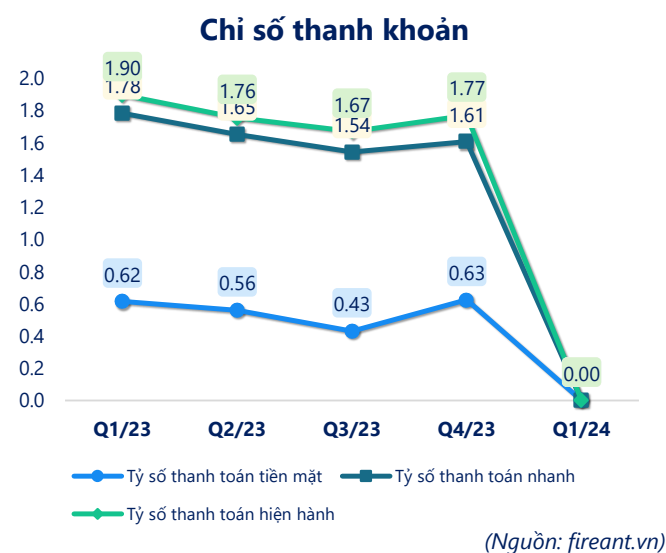
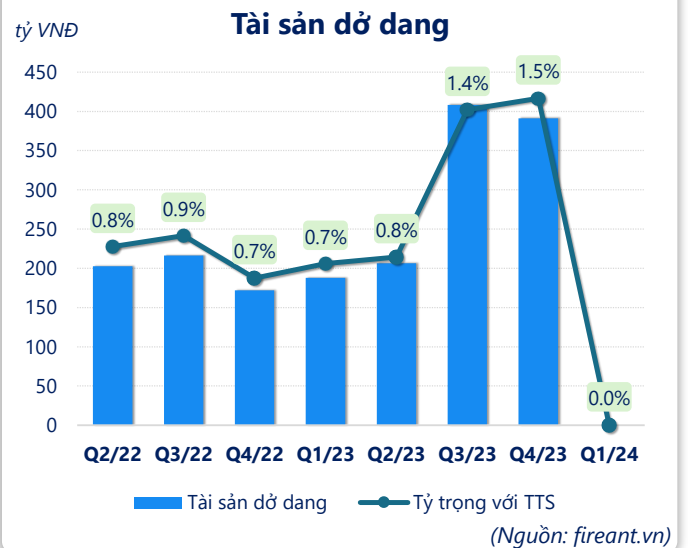
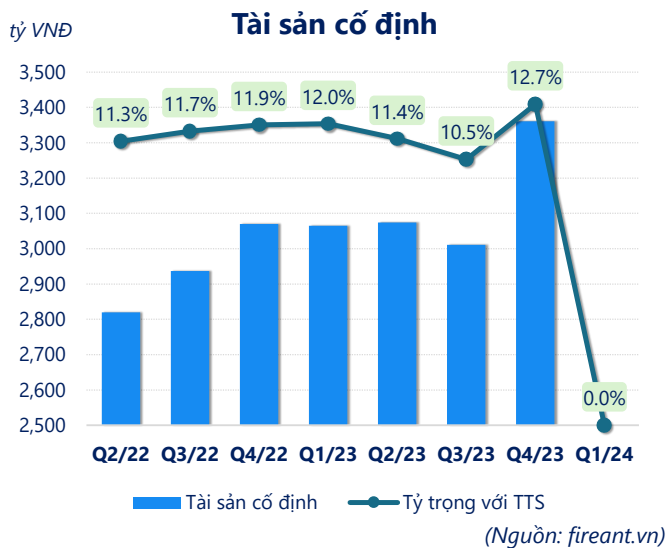
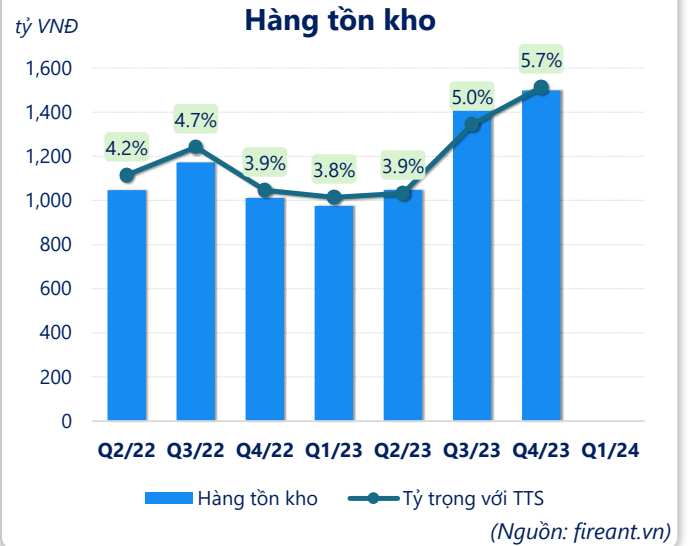
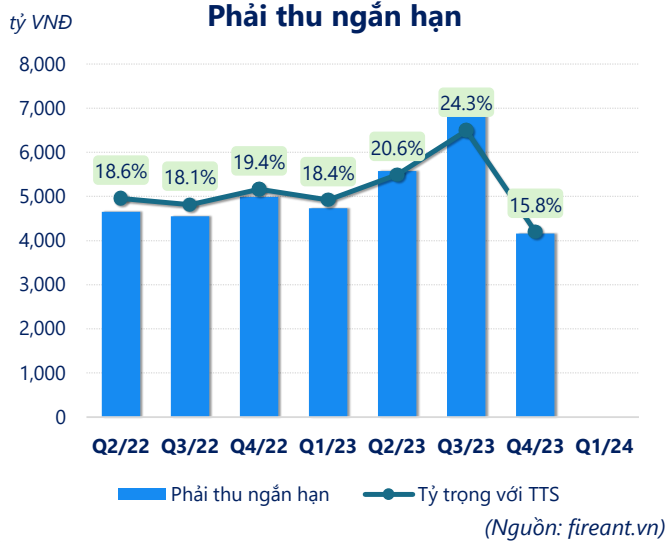
ROE

2023

7.7%

+/- YoY: ▲ 0.8%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	25,635	27,057	28,564	26,401	
Tài sản ngắn hạn	16,258	17,778	18,939	16,297	
Tiền và tương đương tiền	5,271	5,671	4,881	5,757	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,925	5,077	5,183	4,329	
Phải thu ngắn hạn	4,729	5,573	6,954	4,160	
Hàng tồn kho	975	1,047	1,440	1,498	
Tài sản ngắn hạn khác	359	410	481	552	
Tài sản dài hạn	9,376	9,279	9,625	10,104	
Phải thu dài hạn	123	122	123	123	
Tài sản cố định	3,065	3,074	3,011	3,361	
Bất động sản đầu tư	168	167	166	164	
Tài sản dở dang	188	206	408	391	
Đầu tư tài chính dài hạn	4,834	4,721	4,935	4,945	
Tài sản dài hạn khác	999	989	983	1,120	
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	
Nợ phải trả	12,494	13,925	15,165	13,018	
Nợ ngắn hạn	8,568	10,122	11,337	9,206	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	760	763	788	1,176	
Phải trả người bán ngắn hạn	4,733	4,796	6,548	3,510	
Nợ dài hạn	3,926	3,803	3,827	3,812	
Vay và nợ thuê dài hạn	633	593	606	564	
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,140	13,133	13,399	13,384	
Vốn chủ sở hữu	13,140	13,133	13,399	13,384	
Vốn điều lệ	4,780	4,780	4,780	4,780	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)